BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH AN GIANG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

Số: 10/TB-HĐXT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Đốc, ngày 2 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO
Kết quả điểm phỏng vấn (vòng 2) xét tuyển viên chức năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Sở Y Tế tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch số 20/KH-BV về tuyển dụng viên chức của Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-BV ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2020 tại Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang;

Hội đồng thông báo kết quả điểm phỏng vấn (vòng 2) xét tuyển viên chức năm 2020 như sau:

Danh sách thí sinh và điểm phỏng vấn (vòng 2) xét tuyển viên tại Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang *(phụ lục đính kèm).*

Thông báo kết quả của thí sinh được đăng trên cổng thông tin điện tử của Bệnh viện, địa chỉ http://www.bvkvcd.com.vn vào mục Thông tin tuyển dụng.

Mọi thắc mắc liên quan đến kết quả điểm phỏng vấn (vòng 2) xét tuyển viên chức năm 2020 liên hệ Phòng Tổ Chức Cán Bộ, thời gian từ ngày 02/04/2021 đến 18/04/2021. *Hết thời gian qui định mọi thắc mắc sẽ không được giải quyết.*

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- BGĐ Sở Y tế;
- Cổng TTĐT BV;
- Ban Giám sát;
- Lưu: TC - HC, HĐXT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH AN GIANG
PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKI NGUYỄN VĂN NGỌC RĂNG

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - BÁC SĨ (hạng III)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	BSRHM 01	Nguyễn Thùy Dương	05/12/1987	Bác sĩ (hạng III)	89	RHM	2
2	BSYHCT 01	Quách Trường Can	10/08/1981	Bác sĩ (hạng III)	90	YHCT	2
3	BSYHCT 03	Nguyễn Anh Thư	12/12/1991	Bác sĩ (hạng III)	88	YHCT	
4	BSYHCT 04	Âu Nguyễn Khắc Trung	11/08/1995	Bác sĩ (hạng III)	72,5	YHCT	
5	BSYHCT 05	Võ Thị Thúy Vy	08/03/1996	Bác sĩ (hạng III)	62,5	YHCT	
6	BSYHCT 02	Nguyễn Phan Bảo Ngọc	24/02/1994	Bác sĩ (hạng III)	53,5	YHCT	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH
PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - BÁC SĨ (hạng III)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm cộng	Điểm tổng	Khoa, phòng	Chỉ tiêu
1	BSĐK 21	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	16/01/1994	BS (hạng III)	90	0	90	Cấp cứu	5
2	BSĐK 43	Nguyễn Trường Nam	09/04/1995	BS (hạng III)	80	0	80	Cấp cứu	
3	BSĐK 54	Nguyễn Thị Tố Như	06/05/1994	BS (hạng III)	80	0	80	Cấp cứu	
4	BSĐK 25	Trần Lê Mỹ Huyền	04/07/1995	BS (hạng III)	76	0	76	Cấp cứu	
5	BSĐK 02	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/05/1994	BS (hạng III)	75	0	75	Cấp cứu	
6	BSĐK 26	Trần Thị Ngọc Huyền	25/09/1995	BS (hạng III)	70	0	70	Cấp cứu	
7	BSĐK 91	Nguyễn Ngọc Thúy Vi	17/03/1994	BS (hạng III)	55	0	55	Cấp cứu	
8	BSĐK 83	Phạm Thị Tú Trân	07/12/1993	BS (hạng III)	74	0	74	CDHA	2
9	BSĐK 50	Trương Mỹ Ngọc	29/05/1995	BS (hạng III)	53	0	53	CDHA	
10	BSĐK 56	Trần Văn Phụng	14/02/1995	BS (hạng III)	63	0	63	GMHS	1
11	BSĐK 14	Đoàn Thị Trúc Đào	1989	BS (hạng III)	90	0	90	ICU	
12	BSĐK 73	Ngô Huỳnh Đắc Thắng	10/09/1993	BS (hạng III)	90	0	90	ICU	
13	BSĐK 41	Nguyễn Cao Minh	05/07/1995	BS (hạng III)	88	0	88	ICU	
14	BSĐK 34	Nguyễn Hữu Khánh	20/07/1995	BS (hạng III)	87	0	87	ICU	

15	BSĐK 69	Trần Lâm Thùy Tiên	11/08/1995	BS (hạng III)	81	5	86	ICU	
16	BSĐK 66	Nguyễn Hoàng Tấn	04/12/1988	BS (hạng III)	85	0	85	ICU	
17	BSĐK 40	Huỳnh Thị Miên	25/09/1995	BS (hạng III)	83,5	0	83,5	ICU	
18	BSĐK 58	Trịnh Kim Phương	18/01/1994	BS (hạng III)	82	0	82	ICU	
19	BSĐK 47	Nguyễn Thanh Nghị	07/06/1995	BS (hạng III)	80	0	80	ICU	9
20	BSĐK 92	Trần Đỗ Quốc Vương	13/08/1995	BS (hạng III)	80	0	80	ICU	
21	BSĐK 13	Trần Ngọc Thùy Dương	28/04/1995	BS (hạng III)	79	0	79	ICU	
22	BSĐK 31	Võ Anh Kiệt	25/12/1990	BS (hạng III)	78	0	78	ICU	
23	BSĐK 78	Huỳnh Thị Ngọc Thúy	20/06/1994	BS (hạng III)	70	0	70	ICU	
24	BSĐK 24	Phạm Lý Chí Hùng	10/02/1992	BS (hạng III)	68	0	68	ICU	
25	BSĐK 44	Hem Oanh Nết	16/07/1995	BS (hạng III)	59,5	5	64,5	ICU	
26	BSĐK 67	MOHAMAD TERMIZI	22/07/1995	BS (hạng III)	61	0	61	ICU	
27	BSĐK 71	Dương Bảo Toàn	17/07/1995	BS (hạng III)	60	0	60	ICU	
28	BSĐK 53	Vũ Thùy Như	10/08/1990	BS (hạng III)	97	0	97	khám	3
29	BSĐK 01	Nguyễn Võ Kỳ Anh	24/08/1995	BS (hạng III)	79	0	79	Khám	
30	BSĐK 30	Lý Thanh In	19/09/1973	BS (hạng III)	90	0	90	Mắt	1
31	BSĐK 62	Chau Sao Rết	04/04/1993	BS (hạng III)	79	5	84	Ngoại CT Bỏng	
32	BSĐK 12	Lê Nguyễn Nhật Duy	06/10/1995	BS (hạng III)	82	0	82	Ngoại CT Bỏng	

33	BSĐK 74	Chau Thi	01/01/1991	BS (hạng III)	74,5	5	79,5	Ngoại CT Bỏng	
34	BSĐK 42	Nguyễn Hoài Nam	08/02/1994	BS (hạng III)	75	0	75	Ngoại CT Bỏng	8
35	BSĐK 17	Phạm Thành Đức	06/09/1977	BS (hạng III)	74,5	0	74,5	Ngoại CT Bỏng	
36	BSĐK 76	Bùi Ngọc Thuận	12/01/1995	BS (hạng III)	70	0	70	Ngoại CT Bỏng	
37	BSĐK 49	Hồ Hữu Nghĩa	20/06/1993	BS (hạng III)	65	0	65	Ngoại CT Bỏng	
38	BSĐK 07	Chau Sóc Chanh	1995	BS (hạng III)	60	5	65	Ngoại CT Bỏng	
39	BSĐK 16	Chau Đô	06/11/1992	BS (hạng III)	90	5	95	Ngoại TH	
40	BSĐK 35	Lữ Đăng Khoa	11/11/1994	BS (hạng III)	90	0	90	Ngoại TH	
41	BSĐK 37	Phạm Vũ Linh	04/04/1993	BS (hạng III)	85	0	85	Ngoại TH	
42	BSĐK 32	Trần Nguyên Khang	19/12/1993	BS (hạng III)	80	0	80	Ngoại TH	9
43	BSĐK 03	Đinh Tấn Bình	06/01/1992	BS (hạng III)	78,5	0	78,5	Ngoại TH	
44	BSĐK 04	Nguyễn Thanh Cao	10/07/1975	BS (hạng III)	66	0	66	Ngoại TH	
45	BSĐK 38	Nguyễn Chế Linh	19/10/1984	BS (hạng III)	62	0	62	Ngoại TH	
46	BSĐK 87	Nguyễn Tiến Trung	1988	BS (hạng III)	vắng			Ngoại TH	
47	BSĐK 39	Salé Mohamad	12/03/1994	BS (hạng III)	90	5	95	Nhi	
48	BSĐK 72	Lê Thị Thu Thảo	13/4/1992	BS (hạng III)	90,5	0	90,5	Nhi	
49	BSĐK 18	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	06/10/1993	BS (hạng III)	87	0	87	Nhi	
50	BSĐK 82	Cao Hoàng Trân	19/10/1995	BS (hạng III)	85	0	85	Nhi	9

51	BSĐK 80	Chau Văn Thươl	25/04/1985	BS (hạng III)	76,5	5	81,5	Nhi	
52	BSĐK 84	Đặng Đức Trí	16/09/1985	BS (hạng III)	80	0	80	Nhi	
53	BSĐK 08	Phạm Thị Thanh Danh	24/09/1994	BS (hạng III)	78	0	78	Nhi	
54	BSĐK 11	Nguyễn Phú Duy	26/01/1977	BS (hạng III)	91	0	91	Nhi	
55	BSĐK 89	Huỳnh Thị Thúy Uyên	26/09/1995	BS (hạng III)	79	0	79	Nhiễm	
56	BSĐK 46	Lê Thị Thu Ngân	09/08/1993	BS (hạng III)	73,5	0	73,5	Nhiễm	
57	BSĐK 70	Nguyễn Xuân Tiến	03/11/1996	BS (hạng III)	70	0	70	Nhiễm	3
58	BSĐK 51	Trần Ngọc Nguyên	18/12/1995	BS (hạng III)	64,5	0	64,5	Nhiễm	
59	BSĐK 59	Nguyễn Lê Kiều Phương	30/11/1995	BS (hạng III)	60	0	60	Nhiễm	
60	BSĐK 75	Lê Hữu Thọ	26/03/1993	BS (hạng III)	95	0	95	Nội Soi	
61	BSĐK 86	Võ Dương Triều	25/08/1992	BS (hạng III)	79	0	79	Nội Soi	2
62	BSĐK 09	La Siêu Dinh	08/10/1995	BS (hạng III)	78	0	78	Nội Soi	
63	BSĐK 68	Nguyễn Bích Tiên	17/08/1993	BS (hạng III)	91	0	91	Nội TH	
64	BSĐK 55	Huỳnh Thanh Phong	05/03/1978	BS (hạng III)	90	0	90	Nội TH	
65	BSĐK 27	Lữ Qui Hưng	17/01/1994	BS (hạng III)	86	0	86	Nội TH	
66	BSĐK 36	Trần Quang Khởi	06/06/1993	BS (hạng III)	85	0	85	Nội TH	
67	BSĐK 19	La Phước Hải	11/10/1995	Chưa có bằng	83	0	83	Nội TH	
68	BSĐK 77	Đặng Thị Thúy	03/01/1985	BS (hạng III)	82	0	82	Nội TH	

69	BSĐK 20	Hứa Thị Hạnh	15/04/1993	BS (hạng III)	80	0	80	Nội TH	8
70	BSĐK 79	Lê Thị Diễm Thúy	04/05/1996	BS (hạng III)	78	0	78	Nội TH	
71	BSĐK 63	Neàng Kim Sen	20/10/1992	BS (hạng III)	73	5	78	Nội TH	
72	BSĐK 22	Võ Nhựt Hiền	25/09/1987	BS (hạng III)	75	0	75	Nội TH	
73	BSĐK 48	Đoàn Thảo Nghi	16/01/1995	BS (hạng III)	74	0	74	Nội TH	
74	BSĐK 45	RÔ HA NY	1984	BS (hạng III)	67	5	72	Nội TH	
75	BSĐK 64	Đỗ Thị Ngọc Siếu	16/08/1995	BS (hạng III)	71	0	71	Nội TH	
76	BSĐK 60	Phan Thị Mỹ Phượng	24/01/1996	BS (hạng III)	65	0	65	Nội TH	
77	BSĐK 23	Trần Thị Kim Huê	15/11/1992	BS (hạng III)	96	0	96	Nội TMLH	6
78	BSĐK 10	Phạm Thị Thùy Dung	17/11/1995	BS (hạng III)	84	0	84	Nội TMLH	
79	BSĐK 85	Lê Minh Tri	10/02/1992	BS (hạng III)	82	0	82	Nội TMLH	
80	BSĐK 15	Huỳnh Tấn Hoàng Điệp	26/10/1994	BS (hạng III)	80	0	80	Nội TMLH	
81	BSĐK 90	Lý Thị Phong Vân	18/01/1994	BS (hạng III)	77	0	77	Nội TMLH	
82	BSĐK 57	Dương Văn Phước	06/11/1983	BS (hạng III)	74	0	74	Nội TMLH	
83	BSĐK 33	Đỗ Bá Khang	20/09/1995	BS (hạng III)	70	0	70	Nội TMLH	
84	BSĐK 61	Lê Minh Quân	08/05/1987	BS (hạng III)	60	0	60	Nội TMLH	
85	BSĐK 05	Nguyễn Huy Cường	16/06/1984	BS (hạng III)	93	0	93	Sản	2
86	BSĐK 28	Hồ Thị Lan Phương	13/06/1982	BS (hạng III)	90	0	90	Sản	

87	BSĐK 88	Lê Tuấn Trung	10/12/1993	BS (hạng III)	80,5	0	80,5	Sản	5
88	BSĐK 06	Kho Ti Chah	01/12/1989	BS (hạng III)	69	5	74	Sản	
89	BSĐK 81	Bùi Thị Thùy Trang	22/09/1995	BS (hạng III)	73	0	73	Sản	
90	BSĐK 65	Nguyễn Thị Mai Sương	07/07/1989	BS (hạng III)	80	0	80	TMH	3
91	BSĐK 29	Vũ Duy Phương	03/08/1994	BS (hạng III)	78	0	78	TMH	
92	BSĐK 52	Lâm Trọng Nhân	26/03/1993	BS (hạng III)	70	5	75	TMH	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - DƯỢC Sĩ (hạng III)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	DSA 14	Nguyễn Thị Kim Thoa	04/04/1992	Dược sĩ (hạng III)	98	Khoa dược	
2	DSA 18	Nguyễn Ngọc Trinh	03/01/1996	Dược sĩ (hạng III)	98	Khoa dược	
3	DSA 15	Võ Thị Phương Thư	19/04/1983	Dược sĩ (hạng III)	94	Khoa dược	
4	DSA 13	Trần Ngọc Thanh Thảo	24/04/1996	Dược sĩ (hạng III)	81	Khoa dược	
5	DSA 05	Lê Quốc Minh	09/09/1996	Dược sĩ (hạng III)	80	Khoa dược	
6	DSA 11	Phạm Thùy Oanh	28/03/1996	Dược sĩ (hạng III)	73	Khoa dược	
7	DSA 02	Tăng Bá Duy	20/08/1990	Dược sĩ (hạng III)	65	Khoa dược	
8	DSA 01	Nguyễn Quốc Cường	07/07/1995	Dược sĩ (hạng III)	57	Khoa dược	
9	DSA 12	Nguyễn Thị Á Tiên	22/06/1996	Dược sĩ (hạng III)	50	Khoa dược	
10	DSA 03	Trương Ngọc Khải Hoàn	23/05/1997	Dược sĩ (hạng III)	48	Khoa dược	2
11	DSA 19	Mã Thanh Việt	12/09/1994	Dược sĩ (hạng III)	30	Khoa dược	
12	DSA 10	Võ Thảo Nhu	01/01/1988	Dược sĩ (hạng III)	25	Khoa dược	
13	DSA 06	Nguyễn Hồ Phương Minh	19/03/1981	Dược sĩ (hạng III)	15	Khoa dược	
14	DSA 17	Nguyễn Lê Ái Trinh	13/03/1995	Dược sĩ (hạng III)	15	Khoa dược	
15	DSA 09	Huỳnh Thị Ánh Ngọc	24/01/1995	Dược sĩ (hạng III)	12	Khoa dược	
16	DSA 07	Neáng Leák Kha Na	01/01/1996	Dược sĩ (hạng III)	7	Khoa dược	
17	DSA 04	Trần Văn Lộc	28/12/1984	Dược sĩ (hạng III)	vắng	Khoa dược	

18	DSA 08	Nguyễn Trầm Ngân	07/09/1992	Dược sĩ (hạng III)	vắng	Khoa dược
19	DSA 16	Lâm Trí	10/09/1992	Dược sĩ (hạng III)	vắng	Khoa dược

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - ĐIỀU DƯỠNG (hạng III)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm cộng ưu tiên	Điểm tổng	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	ĐDIII 07	Cao Thanh Huy	25/02/1992	ĐD (hạng III)	93	0	93	ICU	5
2	ĐDIII 12	Đỗ Thị Diễm Ngọc	19/09/1991	ĐD (hạng III)	93	0	93	ICU	
3	ĐDIII 05	Nguyễn Thị Hằng	16/08/1984	ĐD (hạng III)	71	0	71	ICU	
4	ĐDIII 14	Lý Thanh Nhi	12/08/1997	ĐD (hạng III)	71	0	71	ICU	
5	ĐDIII 09	Trần Thị Thúy Kiều	19/03/1992	ĐD (hạng III)	68	0	68	ICU	
6	ĐDIII 06	Vương Tú Hưng	28/11/1978	ĐD (hạng III)	61	0	61	ICU	
7	ĐDIII 01	Phạm Thị Mỹ An	13/10/1992	ĐD (hạng III)	60	0	60	ICU	
8	ĐDIII 13	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/06/1995	ĐD (hạng III)	58	0	58	ICU	
9	ĐDIII 04	Trần Thị Ca	12/12/1989	ĐD (hạng III)	66	0	66	Khám	1
10	ĐDIII 15	Trần Văn Toàn	12/08/1986	ĐD (hạng III)	89	0	89	Ngoại CT Bỏng	1
11	ĐDIII 22	Phan Khắc Giang	24/09/1993	ĐD (hạng III)	54	0	54	Nội Soi	1
12	ĐDIII 19	Huỳnh Thị Diễm Trang	26/07/1993	ĐD (hạng III)	78	0	78	Nội TH	
13	ĐDIII 17	Nguyễn Thị Kim Tuyến	06/02/1993	ĐD (hạng III)	76	0	76	Nội TH	

14	ĐDIII 18	Nguyễn Minh Thư	28/07/1993	ĐD (hạng III)	75	0	75	Nội TH	
15	ĐDIII 02	Trần Thị Ngọc Ánh	10/08/1997	ĐD (hạng III)	72	0	72	Nội TH	4
16	ĐDIII 11	Nguyễn Hoài Linh	17/03/1989	ĐD (hạng III)	66	0	66	Nội TH	
17	ĐDIII 10	Huỳnh Thị Thúy Liễu	09/10/1995	ĐD (hạng III)	57	0	57	Nội TH	
18	ĐDIII 08	Nguyễn Ngọc Thúy Huỳnh	22/11/1994	ĐD (hạng III)	53	0	53	Nội TH	
19	ĐDIII 03	Nguyễn Dương Thiện Ân	21/09/1998	ĐD (hạng III)	93	0	93	Nội TMLH	
20	ĐDIII 16	Hồng Thanh Tú	02/06/1993	ĐD (hạng III)	90	0	90	Nội TMLH	2
21	ĐDIII 21	Nguyễn Thị Như Ý	16/09/1996	ĐD (hạng III)	72	0	72	Nội TMLH	
22	ĐDIII 20	Lê Vũ Phương Trúc	24/07/1993	ĐD (hạng III)	85	0	85		
23	ĐDIII 23	Neáng Chanh Thi	01/01/1996	ĐD (hạng III)	75	5	80		

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rồng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - KỸ THUẬT Y (HẠNG III)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	XNA 02	Nguyễn Hoàng Anh	22/10/1984	Kỹ thuật y (hạng III)	100	Xét nghiệm	4
2	XNA 03	Võ Ngọc Mỹ Duy	28/05/1994	Kỹ thuật y (hạng III)	90	Xét nghiệm	
3	XNA 06	Nguyễn Thị Kim Thoa	21/08/1995	Kỹ thuật y (hạng III)	90	Xét nghiệm	
4	XNA 01	Võ Minh Tuấn Anh	09/06/1996	Kỹ thuật y (hạng III)	80	Xét nghiệm	
5	XNA 07	Nguyễn Thị Mỹ Vy	28/04/1998	Kỹ thuật y (hạng III)	60	Xét nghiệm	
6	XNA 04	Phạm Đinh Nhu	16/08/1996	Kỹ thuật y (hạng III)	50	Xét nghiệm	
7	XNA 05	Phan Nguyễn Trung Toàn	01/07/1998	Kỹ thuật y (hạng III)	40	Xét nghiệm	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH
PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - KỸ SƯ (HẠNG III)

STT	p		Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	THA	01	Võ Trường Giang	14/03/1992	Kỹ sư (hạng III)	50	KHTH	4
2	THA	02	Phan Phạm Chí Hiếu	20/12/1996	Kỹ sư (hạng III)	20	KHTH	
3	THA	03	Hà Thành Luân	01/01/1991	Kỹ sư (hạng III)	vắng	KHTH	
4	THA	04	Trần Thị Hồng Nhạn	02/03/1995	Kỹ sư (hạng III)	80	KHTH	
5	THA	05	Trịnh Xuân Quang	01/06/1983	Kỹ sư (hạng III)	15	KHTH	
6	THA	06	Bùi Quang Sáng	15/11/1987	Kỹ sư (hạng III)	15	KHTH	
7	THA	07	Huỳnh Thoại Ngọc Thủy	28/08/1983	Kỹ sư (hạng III)	55	KHTH	
8	CNTPA	01	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	09/11/1989	Kỹ sư (hạng III)	65	Dinh dưỡng	1
9	CNTPA	02	Nguyễn Thị Loan	12/03/1994	Kỹ sư (hạng III)	68,3	Dinh dưỡng	
10	CNSHA	01	Phan Thị Mỹ Duyên	1987	Kỹ sư (hạng III)	69,5	Xét nghiệm	1
11	CNSHA	02	Trần Minh Mẫn	16/05/1989	Kỹ sư (hạng III)	48,2	Xét nghiệm	
12	CNSHA	03	Lương Thị Kiều Oanh	23/09/1994	Kỹ sư (hạng III)	72,5	Xét nghiệm	
13	CNSHA	04	Phan Thị Loan Thảo	18/08/1996	Kỹ sư (hạng III)	vắng	Xét nghiệm	
14	CNSHA	05	Đinh Huỳnh Đoan Trang	29/09/1992	Kỹ sư (hạng III)	68	Xét nghiệm	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH
PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rồng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - KẾ TOÁN VIÊN (HẠNG III)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm trừ	Điểm tổng	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	KTA 01	Lâm Thành Nam	31/12/1979	Kế toán (hạng III)	77	38.5	38.5	TCKT	1
2	KTA 02	Lê Nguyễn Quỳnh Thư	13/09/1998	Kế toán (hạng III)	58	29	29	TCKT	
3	KTA 03	Nguyễn Ngọc Như	02/04/1996	Kế toán (hạng III)	55	27.5	27.5	TCKT	
4	KTA 04	Nguyễn Thành Phát	13/05/1990	Kế toán (hạng III)	26	13	13	TCKT	

**Ghi chú: Điểm trừ do vi phạm qui chế (trừ 50% số điểm).*

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - CHUYÊN VIÊN

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm cộng ưu tiên	Điểm trừ	Điểm tổng	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	LA 05	Trần Ngọc Khương	11/06/1989	CN Luật	94	0	47	47	TCCB	1
2	LA 03	Nguyễn Thị Hương	28/02/1994	CN Luật	90	0	0	90	TCCB	
3	LA 08	Lê Thị Tú Trinh	07/07/1997	CN Luật	61	0	30.5	30.5	TCCB	
4	LA 04	Neàng Sóc Kha	03/12/1998	CN Luật	55	5	30	30	TCCB	
5	LA 02	Nguyễn Thị Thu Hòa	02/09/1990	CN Luật	31	5	0	36	TCCB	
6	LA 07	Trịnh Thị Thu Thảo	12/07/1995	CN Luật	30	0	15	15	TCCB	
7	LA 01	Nguyễn Tuấn Anh	19/10/1998	CN Luật	vắng				TCCB	
8	LA 06	Nguyễn Thanh Tâm	01/01/1997	CN Luật	vắng				TCCB	

**Ghi chú: vi phạm qui chế trừ 50% số điểm.*

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - DƯỢC SĨ (HẠNG IV)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên		Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm cộng	Điểm tổng	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	DSB 20	Trương Thị Kiều	Thu	10/04/1986	Dược (hạng IV)	100	0	100	TTBYT	4
2	DSB 21	Phan Thị	Thuận	04/12/1991	Dược (hạng IV)	98	0	98	TTBYT	
3	DSB 23	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	18/7/1990	Dược (hạng IV)	96	0	96	TTBYT	
4	DSB 17	Dương Thị Đan	Thanh	24/07/1987	Dược (hạng IV)	94	0	94	TTBYT	
5	DSB 05	Tô Thị Kim	Hoàng	27/11/1985	Dược (hạng IV)	98	5	103	Dược	
6	DSB 07	Lê Thị Kim	Loan	06/09/1989	Dược (hạng IV)	100	0	100	Dược	
7	DSB 11	Vi Mỹ	Ngọc	09/09/1983	Dược (hạng IV)	99	0	99	Dược	
8	DSB 18	Lữ Ngọc	Thanh	18/10/1982	Dược (hạng IV)	99	0	99	Dược	
9	DSB 04	Lê Thị Thùy	Dung	08/01/1984	Dược (hạng IV)	98	0	98	Dược	
10	DSB 08	Tống Thị Thảo	Ly	03/09/1998	Dược (hạng IV)	98	0	98	Dược	
11	DSB 13	Lê Thị Ý	Nhi	06/10/1991	Dược (hạng IV)	98	0	98	Dược	
12	DSB 14	Nguyễn Minh	Quân	20/12/1990	Dược (hạng IV)	98	0	98	Dược	
13	DSB 03	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	20/05/1989	Dược (hạng IV)	96	0	96	Dược	
14	DSB 09	Võ Dương Bảo	Ngọc	23/6/1989	Dược (hạng IV)	96	0	96	Dược	
15	DSB 10	Phạm Kim	Ngọc	21/7/1985	Dược (hạng IV)	96	0	96	Dược	

16	DSB 02	Phạm Thị Ngọc	Diễm	28/2/1989	Dược (hạng IV)	95	0	95	Dược	11
17	DSB 22	Huỳnh Thị Kim	Thùy	21/10/1991	Dược (hạng IV)	94	0	94	Dược	
18	DSB 26	Dương Quốc	Trung	08/01/1993	Dược (hạng IV)	72	0	72	Dược	
19	DSB 19	Đặng Ngọc	Thảo	24/5/1998	Dược (hạng IV)	55	0	55	Dược	
20	DSB 16	Nguyễn Hữu	Tài	16/10/1998	Dược (hạng IV)	40	0	40	Dược	
21	DSB 01	Đặng Thị Ngọc	Anh	05/08/1986	Dược (hạng IV)	35	0	35	Dược	
22	DSB 06	Neáng Sóc	Kha	08/04/1988	Dược (hạng IV)	25	0	25	Dược	
23	DSB 24	Nguyễn Hồng Ngọc	Trân	01/03/1992	Dược (hạng IV)	25	0	25	Dược	
24	DSB 27	Đặng Thị Ngọc	Tuyết	19/7/1992	Dược (hạng IV)	25	0	25	Dược	
25	DSB 15	Neáng Kim	Sinh	20/8/1992	Dược (hạng IV)	15	0	15	Dược	
26	DSB 12	Trần Thị Thúy	Nhi	25/9/1988	Dược (hạng IV)	vắng			Dược	
27	DSB 25	Lê Thị Đông	Trang	29/10/1982	Dược (hạng IV)	vắng			Dược	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - ĐIỀU DƯỠNG (hạng IV)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên		Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm cộng	Điểm tổng	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	ĐDIV 139	Nguyễn Thành	Tuấn	19/5/1990	ĐD (hạng IV)	98	0	98	Cấp cứu	
2	ĐDIV 122	Trần Kim	Thoa	06/01/1994	ĐD (hạng IV)	86	0	86	Cấp cứu	
3	ĐDIV 109	Đặng Thanh	Tâm	07/02/1989	ĐD (hạng IV)	83,5	0	83,5	Cấp cứu	
4	ĐDIV 70	Phạm Hoài	Nam	25/6/1992	ĐD (hạng IV)	79	0	79	Cấp cứu	
5	ĐDIV 27	Phạm Nhựt	Hiền	23/03/1994	ĐD (hạng IV)	75	0	75	Cấp cứu	
6	ĐDIV 82	Lương Thị Loan	Nhi	09/09/1988	ĐD (hạng IV)	74	0	74	Cấp cứu	8
7	ĐDIV 119	Trần Thanh	Thế	07/02/1992	ĐD (hạng IV)	72	0	72	Cấp cứu	
8	ĐDIV 95	Trần Thị Kim	Phụng	13/5/1990	ĐD (hạng IV)	70	0	70	Cấp cứu	
9	ĐDIV 108	Lê Thị Tường	Tâm	14/4/1982	ĐD (hạng IV)	70	0	70	Cấp cứu	
10	ĐDIV 40	Huỳnh Hoàng	Huy	29/4/1997	ĐD (hạng IV)	60,5	0	60,5	Cấp cứu	
11	ĐDIV 58	Đỗ Thị Tuyết	Loan	10/08/1996	ĐD (hạng IV)	40	0	40	Cấp cứu	
12	ĐDIV 23	Trần Thúy	Hằng	9/7/1994	ĐD (hạng IV)	89	0	89	GMHS	10
13	ĐDIV 148	Hồ Văn	Vẹn	01/01/1994	ĐD (hạng IV)	85	0	85	GMHS	
14	ĐDIV 60	Nguyễn Tấn	Lợi	24/10/1996	ĐD (hạng IV)	80	0	80	GMHS	
15	ĐDIV 144	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/03/1993	ĐD (hạng IV)	80	0	80	GMHS	
16	ĐDIV 49	Phạm Anh	Kiệt	30/12/1988	ĐD (hạng IV)	78	0	78	GMHS	
17	ĐDIV 57	Phạm Phương	Loan	18/03/1992	ĐD (hạng IV)	75	0	75	GMHS	

18	ĐDIV 41	Võ Thị Kim	Huyền	16/2/1991	ĐD (hạng IV)	72	0	72	GMHS
19	ĐDIV 120	Lê Thị	Thi	01/01/1984	ĐD (hạng IV)	66,5	0	66,5	GMHS
20	ĐDIV 50	Trần Văn	Kiệt	08/12/1990	ĐD (hạng IV)	63	0	63	GMHS
21	ĐDIV 14	Nguyễn Trường	Dinh	19/11/1996	ĐD (hạng IV)	62	0	62	GMHS
22	ĐDIV 76	Hồ Thị Kim	Ngân	04/12/1996	ĐD (hạng IV)	62	0	62	GMHS
23	ĐDIV 08	Phạm Quốc	Bửu	30/12/1988	ĐD (hạng IV)	57	0	57	GMHS
24	ĐDIV 149	Nguyễn Lâm Thảo	Vy	01/9/1994	ĐD (hạng IV)	93	0	93	ICU
25	ĐDIV 134	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/11/1993	ĐD (hạng IV)	90	0	90	ICU
26	ĐDIV 65	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	03/02/1989	ĐD (hạng IV)	87	0	87	ICU
27	ĐDIV 115	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/4/1994	ĐD (hạng IV)	86,5	0	86,5	ICU
28	ĐDIV 35	Đặng Phi	Hùng	17/02/1994	ĐD (hạng IV)	86	0	86	ICU
29	ĐDIV 123	Trịnh Thị Diệu	Thông	20/10/1994	ĐD (hạng IV)	86	0	86	ICU
30	ĐDIV 83	Dương Yến	Nhi	14/04/1994	ĐD (hạng IV)	85	0	85	ICU
31	ĐDIV 94	Lê Thị	Phúc	05/06/1994	ĐD (hạng IV)	81,5	0	81,5	ICU
32	ĐDIV 146	Nguyễn Thị Thu	Vân	30/4/1991	ĐD (hạng IV)	80,5	0	80,5	ICU
33	ĐDIV 107	Lê Thị Diễm	Sương	06/01/1995	ĐD (hạng IV)	80	0	80	ICU
34	ĐDIV 16	Hồ Thị Trúc	Giang	17/4/1993	ĐD (hạng IV)	78	0	78	ICU
35	ĐDIV 80	Trần Thị Kim	Ngọc	02/07/1996	ĐD (hạng IV)	78	0	78	ICU
36	ĐDIV 92	Lê Thanh	Phong	15/8/1994	ĐD (hạng IV)	78	0	78	ICU
37	ĐDIV 145	Trần Thị Bích	Tuyền	20/4/1991	ĐD (hạng IV)	78	0	78	ICU
38	ĐDIV 37	Trần Thị Diễm	Hương	23/12/1994	ĐD (hạng IV)	77	0	77	ICU
39	ĐDIV 102	Trịnh Ngọc	Sang	01/01/1991	ĐD (hạng IV)	77	0	77	ICU

40	ĐDIV 28	Trần Chí	Hiếu	12/06/1993	ĐD (hạng IV)	76	0	76	ICU
41	ĐDIV 67	Trần Hoàng	Mi	24/09/1994	ĐD (hạng IV)	75	0	75	ICU
42	ĐDIV 101	Lê Thị Cẩm	Quyên	18/3/1992	ĐD (hạng IV)	75	0	75	ICU
43	ĐDIV 133	Dương Thị Thu	Trang	16/11/1992	ĐD (hạng IV)	75	0	75	ICU
44	ĐDIV 131	Trần Trung	Tín	20/7/1989	ĐD (hạng IV)	73,5	0	73,5	ICU
45	ĐDIV 129	Trịnh Thị Thúy	Tiên	20/5/1994	ĐD (hạng IV)	73	0	73	ICU
46	ĐDIV 61	Huỳnh Thanh	Long	27/8/1992	ĐD (hạng IV)	69	0	69	ICU
47	ĐDIV 84	Trần Hà Yến	Nhi	18/5/1989	ĐD (hạng IV)	69	0	69	ICU
48	ĐDIV 104	AhMad SaRiFa	SaRiFa	06/10/1990	ĐD (hạng IV)	68	0	68	ICU
49	ĐDIV 81	Lý Hoài Phước	Nguyên	05/01/1994	ĐD (hạng IV)	66,5	0	66,5	ICU
50	ĐDIV 18	Võ Thị Phượng	Hà	06/08/1989	ĐD (hạng IV)	66	0	66	ICU
51	ĐDIV 38	Trần Thị Thu	Hương	17/11/1995	ĐD (hạng IV)	66	0	66	ICU
52	ĐDIV 03	Nguyễn Thị Kim	Anh	17/4/1988	ĐD (hạng IV)	61	0	61	ICU
53	ĐDIV 26	Nguyễn Thị	Hảo	05/02/1994	ĐD (hạng IV)	59,5	0	59,5	ICU
54	ĐDIV 01	Trần Thị Thúy	An	29/9/1991	ĐD (hạng IV)	57	0	57	ICU
55	ĐDIV 48	Phạm Thị Bảo	Khuyên	09/09/1993	ĐD (hạng IV)	55	0	55	ICU
56	ĐDIV 66	Nguyễn Thị	Mật	1988	ĐD (hạng IV)	55	0	55	ICU
57	ĐDIV 54	Thiều Văn	Linh	01/02/1996	ĐD (hạng IV)	50	0	50	ICU
58	ĐDIV 88	Nguyễn Minh	Nhựt	25/4/1992	ĐD (hạng IV)	40	0	40	ICU
59	ĐDIV 98	Châu Phú	Qui	13/7/1996	ĐD (hạng IV)	vắng			ICU
60	ĐDIV 45	Nguyễn Thị Mai	Khanh	04/08/1988	ĐD (hạng IV)	85	0	85	Khám
61	ĐDIV 89	Cao Thị	Oanh	12/11/1987	ĐD (hạng IV)	85	0	85	Khám

62	ĐDIV 30	Võ Thị Kim	Hoàng	1989	ĐD (hạng IV)	84	0	84	Khám	
63	ĐDIV 44	Trương Quốc	Khanh	08/03/1994	ĐD (hạng IV)	83	0	83	Khám	
64	ĐDIV 97	NEÁNG KIM	PHƯƠNG	18/8/1993	ĐD (hạng IV)	75	5	80	Khám	
65	ĐDIV 114	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/8/1994	ĐD (hạng IV)	76	0	76	Khám	5
66	ĐDIV 46	Nguyễn Trương Bảo	Khánh	31/7/1989	ĐD (hạng IV)	75	0	75	Khám	
67	ĐDIV 56	Nguyễn Thị	Loan	24/3/1991	ĐD (hạng IV)	74	0	74	Khám	
68	ĐDIV 09	Nguyễn Tấn	Cảnh	19/04/1993	ĐD (hạng IV)	61	0	61	Khám	
69	ĐDIV 118	Huỳnh Thị Thu	Thảo	12/03/1994	ĐD (hạng IV)	15	0	15	Khám	
70	ĐDIV 62	Trương Thanh	Long	01/01/1986	ĐD (hạng IV)	76	0	76	Lao	2
71	ĐDIV 91	Nguyễn Tấn	Phát	10/08/1991	ĐD (hạng IV)	65	0	65	Lao	
72	ĐDIV 10	Phạm Thị	Châu	10/10/1993	ĐD (hạng IV)	95	0	95	Ngoại CT Bỏng	
73	ĐDIV 151	Ngô Thị	Xanh	19/4/1993	ĐD (hạng IV)	92	0	92	Ngoại CT Bỏng	
74	ĐDIV 100	Trần Thị Tú	Quyên	26/3/1992	ĐD (hạng IV)	91	0	91	Ngoại CT Bỏng	
75	ĐDIV 31	Trần Huy	Hoàng	29/7/1993	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Ngoại CT Bỏng	
76	ĐDIV 69	Phạm Tuấn	Minh	26/08/1995	ĐD (hạng IV)	76	0	76	Ngoại CT Bỏng	6
77	ĐDIV 150	Bùi Thị Vũ	Vy	23/02/1998	ĐD (hạng IV)	66	0	66	Ngoại CT Bỏng	
78	ĐDIV 85	Phan Thị Huỳnh	Như	26/02/1990	ĐD (hạng IV)	63	0	63	Ngoại CT Bỏng	
79	ĐDIV 136	Nguyễn Phan Hữu	Trí	12/05/1988	ĐD (hạng IV)	89,5	0	89,5	Ngoại TH	
80	ĐDIV 24	Phan Thị	Hạnh	19/9/1987	ĐD (hạng IV)	85	0	85	Ngoại TH	
81	ĐDIV 110	Thái Lê	Tân	25/10/1994	ĐD (hạng IV)	84	0	84	Ngoại TH	
82	ĐDIV 42	Đào Thị Ngọc	Huyền	01/07/1995	ĐD (hạng IV)	81,5	0	81,5	Ngoại TH	
83	ĐDIV 93	Huỳnh Hữu	Phúc	27/2/1984	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Ngoại TH	

84	ĐDIV 135	Lưu Thị Vân	Trang	11/02/1990	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Ngoại TH	
85	ĐDIV 140	Đinh Trần Thanh	Tuyền	26/11/1998	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Ngoại TH	
86	ĐDIV 86	Trần Thị Kim	Nhung	17/5/1988	ĐD (hạng IV)	79,5	0	79,5	Ngoại TH	
87	ĐDIV 68	Lê Hải	Minh	08/10/1994	ĐD (hạng IV)	76	0	76	Ngoại TH	14
88	ĐDIV 29	Nguyễn Tân	Hòa	29/03/1992	ĐD (hạng IV)	73	0	73	Ngoại TH	
89	ĐDIV 74	Lê Thị	Nga	01/07/1990	ĐD (hạng IV)	73	0	73	Ngoại TH	
90	ĐDIV 64	Neáng Ma	Ly	08/08/1995	ĐD (hạng IV)	68	5	73	Ngoại TH	
91	ĐDIV 137	Trần Thị	Trinh	30/01/1989	ĐD (hạng IV)	69,5	0	69,5	Ngoại TH	
92	ĐDIV 127	Phan Thị Bé	Tiên	16/8/1990	ĐD (hạng IV)	65,5	0	65,5	Ngoại TH	
93	ĐDIV 05	Trần Thị Kim	Ba	05/01/1990	ĐD (hạng IV)	53	0	53	Ngoại TH	
94	ĐDIV 33	p	Hôm	20/02/1992	ĐD (hạng IV)	40	0	40	Ngoại TH	
95	ĐDIV 111	Ngô Thoại	Tân	21/7/1991	ĐD (hạng IV)	vắng			Ngoại TH	
96	ĐDIV 19	Trần Thị Kim	Hai	22/8/1986	ĐD (hạng IV)	93	0	93	nhi	
97	ĐDIV 79	Dương Thị Xuân	Nghi	03/06/1985	ĐD (hạng IV)	91	0	91	nhi	
98	ĐDIV 77	Mai Ngọc	Ngân	23/5/1995	ĐD (hạng IV)	87	0	87	nhi	
99	ĐDIV 20	Nguyễn Lâm	Hài	08/07/1981	ĐD (hạng IV)	84	0	84	nhi	
100	ĐDIV 73	NÉANG	NÂU	12/01/1990	ĐD (hạng IV)	78	5	83	Nhi	
101	ĐDIV 17	Lương Thị Cẩm	Gương	08/08/1988	ĐD (hạng IV)	82	0	82	Nhi	
102	ĐDIV 112	Lê Văn	Thắng	24/4/1990	ĐD (hạng IV)	82	0	82	nhi	
103	ĐDIV 63	Đoàn Hoàng	Luân	27/01/1999	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Nhi	11
104	ĐDIV 72	Nguyễn Chí	Nam	16/3/1994	ĐD (hạng IV)	78	0	78	Nhi	
105	ĐDIV 141	Lý Thị Bích	Tuyền	20/1/1989	ĐD (hạng IV)	73	0	73	Nhi	

106	ĐDIV 21	Nguyễn Hồng	Hải	02/10/1986	ĐD (hạng IV)	72,5	0	72,5	Nhi	
107	ĐDIV 43	Nguyễn Lý Mộng	Kha	02/02/1996	ĐD (hạng IV)	70	0	70	Nhi	
108	ĐDIV 11	Nguyễn Văn	Cốn	27/7/1992	ĐD (hạng IV)	68,5	0	68,5	Nhi	
109	ĐDIV 130	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	10/8/1982	ĐD (hạng IV)	vắng			Nhi	
110	ĐDIV 07	Đinh Văn	Bình	05/11/1990	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Nhiễm	2
111	ĐDIV 132	Lương Thiện	Toàn	29/12/1990	ĐD (hạng IV)	70	0	70	Nhiễm	
112	ĐDIV 36	Phan Thị Diễm	Hương	16/03/1993	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Nội Soi	4
113	ĐDIV 25	Trần Hữu	Hạnh	21/2/1994	ĐD (hạng IV)	69	0	69	Nội Soi	
114	ĐDIV 71	Nguyễn Hoàng	Nam	22/5/1994	ĐD (hạng IV)	67,5	0	67,5	Nội Soi	
115	ĐDIV 90	Nguyễn Trần Kiều	Oanh	09/11/1989	ĐD (hạng IV)	54	0	54	Nội Soi	
116	ĐDIV 75	Huỳnh Thị Kim	Ngân	1987	ĐD (hạng IV)	94	0	94	Nội TH	15
117	ĐDIV 32	Huỳnh Kim	Hoàng	30/03/1988	ĐD (hạng IV)	93	0	93	Nội TH	
118	ĐDIV 121	Châu Phước	Thọ	19/6/1985	ĐD (hạng IV)	90	0	90	Nội TH	
119	ĐDIV 51	Trần Thị Ngọc	Lam	25/11/1987	ĐD (hạng IV)	83,5	0	83,5	Nội TH	
120	ĐDIV 52	Đỗ Thanh	Lập	19/10/1989	ĐD (hạng IV)	81	0	81	Nội TH	
121	ĐDIV 126	Nguyễn Thị Minh	Thư	12/05/1999	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Nội TH	
122	ĐDIV 128	Vũ Thị	Tiên	11/09/1983	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Nội TH	
123	ĐDIV 138	Trần Thị Việt	Trinh	30/4/1993	ĐD (hạng IV)	75	0	75	Nội TH	
124	ĐDIV 06	NEANG SÓC	BỆNH	14/5/1991	ĐD (hạng IV)	65,5	5	70,5	Nội TH	
125	ĐDIV 125	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/1994	ĐD (hạng IV)	68	0	68	Nội TH	
126	ĐDIV 142	Trần Thị Bích	Tuyền	20/02/1991	ĐD (hạng IV)	67	0	67	Nội TH	
127	ĐDIV 22	Lê Thị Ngọc	Hân	24/7/1993	ĐD (hạng IV)	61	0	61	Nội TH	

128	ĐDIV 15	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	17/8/1991	ĐD (hạng IV)	56	0	56	Nội TH	
129	ĐDIV 87	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/3/1994	ĐD (hạng IV)	52	0	52	Nội TH	
130	ĐDIV 106	Đào Thanh	Sơn	28/2/1997	ĐD (hạng IV)	49,5	0	49,5	Nội TH	
131	ĐDIV 04	Đào Thị Ngọc	Ánh	20/4/1999	ĐD (hạng IV)	35,5	0	35,5	Nội TH	
132	ĐDIV 47	Cao Duy	Khánh	27/6/1994	ĐD (hạng IV)	vắng			Nội TH	
133	ĐDIV 124	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	09/05/1992	ĐD (hạng IV)	vắng			Nội TH	
134	ĐDIV 55	Võ Thị Xuân	Loan	16/9/1981	ĐD (hạng IV)	91	0	91	Nội TMLH	
135	ĐDIV 113	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23/4/1989	ĐD (hạng IV)	81	0	81	Nội TMLH	
136	ĐDIV 152	Hồ Thị Mỹ	Xuyên	04/04/1988	ĐD (hạng IV)	80	0	80	Nội TMLH	
137	ĐDIV 99	Trịnh Thị Lệ	Quyên	06/10/1992	ĐD (hạng IV)	78	0	78	Nội TMLH	
138	ĐDIV 147	Nguyễn Thị	Ven	10/08/1990	ĐD (hạng IV)	78	0	78	Nội TMLH	
139	ĐDIV 117	Lê Thị Phương	Thảo	02/01/1986	ĐD (hạng IV)	75	0	75	Nội TMLH	
140	ĐDIV 116	Đoàn Thị Thu	Thảo	01/01/1993	ĐD (hạng IV)	70	0	70	Nội TMLH	12
141	ĐDIV 12	Nguyễn Thành	Danh	10/10/1994	ĐD (hạng IV)	58	0	58	Nội TMLH	
142	ĐDIV 13	Trần Thị	Điểm	01/10/1990	ĐD (hạng IV)	55	0	55	Nội TMLH	
143	ĐDIV 02	Neàng Du	An	09/02/1995	ĐD (hạng IV)	36	5	41	Nội TMLH	
144	ĐDIV 103	Đỗ Minh	Sang	24/11/1993	ĐD (hạng IV)	37	0	37	Nội TMLH	
145	ĐDIV 59	Nguyễn Thị	Lộc	16/10/1998	ĐD (hạng IV)	vắng			Nội TMLH	
146	ĐDIV 143	Dương Bích	Tuyền	17/7/1974	ĐD (hạng IV)	75	0	75	RHM	
147	ĐDIV 105	Đinh Ngọc	Sơn	19/5/1989	ĐD (hạng IV)	70	0	70	RHM	3
148	ĐDIV 53	Huỳnh Trần Huế	Linh	12/02/1988	ĐD (hạng IV)	55	0	55	RHM	
149	ĐDIV 34	Trần Ngọc	Huệ	16/5/1990	ĐD (hạng IV)	80	0	80	TMH	

150	ĐDIV	39	Lê Thị Cẩm	Hướng	09/09/1992	ĐD (hạng IV)	66	0	66	TMH	1
151	ĐDIV	96	Trần Thị Lan	Phương	18/5/1987	ĐD (hạng IV)	69,5	0	69,5	VLTL	1
152	ĐDIV	78	Trần Thị	Ngân	26/10/1997	ĐD (hạng IV)	vắng				
153	ĐDIV	153	Nguyễn Thị	Xuyến	21/03/1993	ĐD (hạng IV)	vắng				

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - HỘ SINH (HẠNG IV)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên		Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	HSIV 07	Nguyễn Thị Trúc	Giang	17/10/1990	Hộ Sinh (hạng IV)	39	GMHS	1
2	HSIV 01	Lê Thị Loan	Anh	09/04/1987	Hộ Sinh (hạng IV)	54	NHI	4
3	HSIV 14	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/4/1985	Hộ Sinh (hạng IV)	54	NHI	
4	HSIV 17	Võ Thị Phương	Trúc	24/6/1988	Hộ Sinh (hạng IV)	29	NHI	
5	HSIV 06	Trần Thị Mỹ	Duyên	18/03/1994	Hộ Sinh (hạng IV)	92	SẢN	13
6	HSIV 16	Nguyễn Thị	Trang	19/7/1993	Hộ Sinh (hạng IV)	90	SẢN	
7	HSIV 05	Đặng Ngọc	Đoan	05/06/1987	Hộ Sinh (hạng IV)	85	SẢN	
8	HSIV 15	Lê Thị Huyền	Trang	20/6/1988	Hộ Sinh (hạng IV)	85	SẢN	
9	HSIV 13	Dương Ngọc	Trâm	14/4/1994	Hộ Sinh (hạng IV)	76	SẢN	
10	HSIV 02	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	14/7/1991	Hộ Sinh (hạng IV)	74	SẢN	
11	HSIV 10	Lý Thị Huỳnh	Nguyên	13/11/1992	Hộ Sinh (hạng IV)	74	SẢN	
12	HSIV 09	Mai Kim	Ngọc	12/11/1991	Hộ Sinh (hạng IV)	69	SẢN	
13	HSIV 19	Huỳnh Lê Thanh	Uyên	18/08/1997	Hộ Sinh (hạng IV)	64	SẢN	
14	HSIV 04	Huỳnh Thị Kim	Chi	18/12/1993	Hộ Sinh (hạng IV)	61	SẢN	

15	HSIV 08	Võ Thị Hồng	Ngoan	01/06/1991	Hộ Sinh (hạng IV)	57	SẢN
16	HSIV 18	Đinh Nguyễn Hạ	Tùng	15/01/1994	Hộ Sinh (hạng IV)	52	SẢN
17	HSIV 03	Võ Thị	Chăm	26/7/1994	Hộ Sinh (hạng IV)	47	SẢN
18	HSIV 12	Nguyễn Thị Mộng	Thu	25/10/1990	Hộ Sinh (hạng IV)	46	SẢN
19	HSIV 11	Hồ Thị Hoài	Nhi	12/08/1993	Hộ Sinh (hạng IV)	34	SẢN

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - KỸ THUẬT Y (HẠNG IV)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên		Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	CĐHB 10	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	10/04/1995	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	88	CDHA	6
2	CĐHB 04	Đặng Đình	Đệ	20/12/1984	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	70	CDHA	
3	CĐHB 09	Trần Văn	Thanh	02/09/1994	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	50	CDHA	
4	CĐHB 06	Trương Đức	Lễ	05/02/1990	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	45	CDHA	
5	CĐHB 07	Nguyễn Vũ	Linh	14/01/1992	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	40	CDHA	
6	CĐHB 08	Trương Chí	Phương	20/2/1992	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	40	CDHA	
7	CĐHB 03	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/08/1992	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	vắng	CDHA	
8	CĐHB 02	Trần Ngọc	Dung	20/10/1982	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	60	VLTL	2
9	CĐHB 05	Trần Hồng	Hạnh	23/6/1997	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	10	VLTL	
10	CĐHB 01	Huỳnh Quốc	Cường	01/10/1986	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	0	VLTL	
1	XNB 07	Võ Thị Thanh	Tuyền	12/04/1991	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	100	XN	

2	XNB 04	Nguyễn Thanh	Qui	17/8/1987	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	95	XN	
3	XNB 01	Nguyễn Ngọc	Ân	02/11/1999	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	80	XN	
4	XNB 05	Nguyễn Văn Hiệp	Thành	1977	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	80	XN	3
5	XNB 06	Nguyễn Ngọc Thúy	Tiên	22/04/1992	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	80	XN	
6	XNB 02	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	24/06/1995	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	70	XN	
7	XNB 03	Nguyễn Thanh	Giang	19/2/1998	Kỹ thuật Y (Hạng IV)	vắng	XN	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - KỸ THUẬT VIÊN (HẠNG IV)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên		Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	THB 01	Huỳnh Hồng	Anh	12/09/1989	Kỹ thuật viên (hạng IV)	95	HCQT	1
2	THB 05	Trần Văn	Tiền	09/11/1982	Kỹ thuật viên (hạng IV)	50	HCQT	
3	THB 03	Dương Minh	Phong	06/8/1994	Kỹ thuật viên (hạng IV)	27	HCQT	
4	THB 04	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/7/1985	Kỹ thuật viên (hạng IV)	57	TCKT	2
5	THB 02	Trần Hoàng	Huy	20/12/1985	Kỹ thuật viên (hạng IV)	15	TCKT	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH
BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - KỸ THUẬT VIÊN (HẠNG IV)

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm trừ	Điểm tổng	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	TBYT 01	Huỳnh Tấn Đinh	29/5/1992	Kỹ thuật viên (hạng IV)	64	32	32	VTTBYT	1
2	DNB 01	Trần Cường Nhân	02/09/1981	Kỹ thuật viên (hạng IV)	55	27.5	27.5	KSNK	1
3	DNB 02	Phan Thanh Sang	19/7/1989	Kỹ thuật viên (hạng IV)	88,75	44.4	44.4	HCQT	2
4	DNB 03	Lý Cát Tường	12/07/1995	Kỹ thuật viên (hạng IV)	77	38.5	38.5	HCQT	

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

*Ghi chú: Điểm trừ do vi phạm qui chế (trừ 50% số điểm).

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH
PHÓ GIÁM ĐỐC
BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rạng

BỆNH VIỆN ĐKKV TỈNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020 - KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP

STT	Số báo danh	Họ Và Tên	Năm Sinh	Vị trí dự tuyển	Điểm thi	Điểm trừ	Điểm tổng	Khoa, phòng tuyển dụng	Chỉ tiêu
1	KTB 05	Lê Thị Kim Thanh	11/07/1985	Kế toán viên (hạng IV)	65	32.5	32.5	CTXH	1
2	KTB 03	Phạm Thị Diễm Mi	19/2/1990	Kế toán viên (hạng IV)	86	43	43	TCKT	3
3	KTB 06	Nguyễn Thị Thủy Triển	12/12/1982	Kế toán viên (hạng IV)	80	40	40	TCKT	
4	KTB 01	Lê Thị Thủy Linh	16/6/1985	Kế toán viên (hạng IV)	74	37	37	TCKT	
5	KTB 04	Phan Thị Kim Oanh	05/9/1986	Kế toán viên (hạng IV)	40	20	20	TCKT	
6	KTB 02	Trần Thị Yến Loan	25/12/1988	Kế toán viên (hạng IV)	70	35	35	VTTBYT	1

*Ghi chú: Điểm trừ do vi phạm qui chế (trừ 50% số điểm).

Châu Đốc, Ngày 11 tháng 03 năm 2021
TM/ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TỈNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Văn Ngọc Rồng